

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách xã nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3
để thực hiện xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 424/NQ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-BD TTG ngày 29/01/2026 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố danh sách thôn, xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III được chuyển tiếp theo quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 360/TTr-SNNMT ngày 14 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách xã nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 để thực hiện xây dựng xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng như sau:

1. Xã nhóm 1: 43 xã;
2. Xã nhóm 2: 24 xã;
3. Xã nhóm 3: không có.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ban, ngành thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các xã triển khai thực hiện các nội dung tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030, theo từng nhóm xã.

2. Sau khi đồ án Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075 được phê duyệt; giao Sở Xây dựng rà soát danh sách các đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực dự kiến hình thành đô thị trên địa bàn thành phố; trường hợp có điều chỉnh thay đổi danh sách xã thuộc khu vực dự kiến hình thành đô thị, lập danh sách gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Giao Ủy ban nhân dân các xã căn cứ nhóm xã được phê duyệt, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã tại Điều 1 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- VPĐP NTM TP;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Đảng ủy UBND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND TP;
- Công TTĐT TP, Công báo thành phố;
- Lưu: VT, N.T.Hiếu.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân

Phụ lục
DANH SÁCH XÃ NHÓM 1, XÃ NHÓM 2, XÃ NHÓM 3
ĐỂ THỰC HIỆN XÂY DỰNG XÃ NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /5/2026 của UBND thành phố)

TT	Tên xã	Xã nhóm 1			Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
		Tổng	Trong đó:			
			(là xã liên kế đô thị hiện hữu và có định hướng phát triển thành đô thị hoặc xã được định hướng là đô thị mới)	(là xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%)		
	Tổng cộng	43	42	9	24	0
1	Kiến Thụy	x	x			
2	Kiến Minh	x	x			
3	Kiến Hải	x	x			
4	Kiến Hưng	x	x			
5	Nghi Dương	x	x			
6	Việt Khê	x	x			
7	An Lão	x	x	x		
8	Tiên Lãng	x	x			
9	Vĩnh Bảo	x	x			
10	Nam An Phụ	x	x			
11	Kẻ Sặt	x	x	x		
12	Cầm Giang	x	x			
13	Gia Lộc	x	x			
14	Gia Phúc	x	x			
15	Nam Sách	x	x	x		
16	Phú Thái	x	x	x		
17	Tứ Kỳ	x	x			
18	Ninh Giang	x	x			
19	Thanh Hà	x	x			
20	Thanh Miện	x	x			
21	Trường Tân	x	x			
22	Trần Phú	x	x			
23	Đại Sơn	x	x			
24	Nguyên Lương Bằng	x	x			
25	Chân Hưng	x	x			
26	Hùng Thắng	x	x			
27	Hà Nam	x	x			
28	Bình Giang	x	x			
29	Nguyên Giáp	x	x			

30	Lai Khê	x	x	x		
31	Mao Điền	x	x	x		
32	Câm Giàng	x	x	x		
33	Vĩnh Lại	x	x	x		
34	Hà Bắc	x	x			
35	Thái Tân	x	x			
36	An Phú	x	x			
37	Hà Tây	x	x			
38	Tuệ Tĩnh	x	x			
39	An Thành	x	x			
40	Kim Thành	x	x			
41	Yết Kiêu	x	x			
42	Hợp Tiên	x	x			
43	An Quang	x		x		
44	Quyết Thắng				x	
45	Tân Minh				x	
46	Tiên Minh				x	
47	Nguyễn Bình Khiêm				x	
48	Vĩnh Am				x	
49	Vĩnh Hải				x	
50	Vĩnh Hòa				x	
51	Vĩnh Thịnh				x	
52	Vĩnh Thuận				x	
53	An Hưng				x	
54	An Khánh				x	
55	An Trường				x	
56	Hà Đông				x	
57	Đường An				x	
58	Thượng Hồng				x	
59	Tân Kỳ				x	
60	Chí Minh				x	
61	Lạc Phượng				x	
62	Khúc Thừa Dụ				x	
63	Tân An				x	
64	Hồng Châu				x	
65	Bắc Thanh Miện				x	
66	Nam Thanh Miện				x	
67	Hải Hưng				x	